TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 02-02-2021.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;

2. Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 704/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị N, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

Ông và bà N tự chung sống với nhau vào ngày 25-10-1987, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Bà N

tự dọn ra ngoài thuê nhà trọ sống và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 23-7-1988 hiện đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai của bị đơn bà Đinh Thị N thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Thừa nhận lời trình bày của ông L về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung là đúng. Nay bà đồng ý ly hôn ông L.

Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn L và bà Đinh Thị N.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 23-7-1988 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn L và bị đơn bà Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà N chung sống với nhau vào ngày 25-10-1987, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông L và bà N đã xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay ông L yêu cầu ly hôn bà N và bà N cũng đồng ý ly hôn ông L. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường L thể hiện ông L và bà N

không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà N.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 23-7-1988 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông L, bà N trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn L và bà Đinh Thị N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 23-7-1988 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Ông Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014933 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho ông L, bà N biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Đững